

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương T - kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mộng T1, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 1, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Ông Lưu Ngọc T2, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm C, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mộng T1 trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: bà và ông Lưu Ngọc T3 tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý, tự nguyện tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường E, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Trà

Vinh. Sau khi kết bà và ông T3 về sinh sống chung với cha mẹ ruột của bà tại khóm A, phường E, thành phố T và có 01 con chung tên Lư Ngọc H, sinh ngày 27/02/2010. Tuy nhiên đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn nên từ tháng 7/2022 thì ông T3 đã về nhà cha mẹ ruột tại khóm C, phường E, thành phố T sinh sống, từ đó bà và ông T3 đã sống ly thân cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lư Ngọc T2.

- Về con chung: Lư Ngọc H, sinh ngày 27/02/2010 bà T1 yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T1 khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T1 khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lư Ngọc T2 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Con chung Lư Ngọc H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày có nguyện vọng được sống chung với bà T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập, bị đơn thì vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: ông Lư Ngọc T2 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lư Ngọc T2.

[3] Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Mộng T1 và ông Lư Ngọc T2 có đăng ký kết hôn do đó đã xác lập quan hệ hôn nhân đúng theo quy định của Luật hôn nhân, gia đình. Qua đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án

bà T1 cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng hơn, ông T2 đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên từ đó bà và ông T2 đã sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà T1 kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, ông T2 khi Tòa án đã triệu tập nhiều lần mà ông T2 vẫn vắng mặt cho thấy ông T2 không quan tâm đến hạnh phúc vợ chồng, không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Từ những căn cứ nêu trên, thì mâu thuẫn của bà T1 và ông T2 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2 là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà T1 và ông T2 có 01 con chung tên Lư Ngọc H, sinh ngày 27/02/2010 bà T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Xét thấy, từ trước đến nay bà T1 vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T1, giao con tên Lư Ngọc H cho bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho bà Huỳnh Thị Mộng T1 biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà Huỳnh Thị Mộng T1 không yêu cầu ông Lư Ngọc T2 cấp dưỡng nuôi con tên Lư Ngọc H nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: bà T1 khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: bà Huỳnh Thị Mộng T1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Mộng T1 và ông Lư Ngọc T2.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lư Ngọc H, sinh ngày 27/02/2010 cho bà Huỳnh Thị Mộng T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lư Ngọc T2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mộng T1 khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Mộng T1 khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Mộng T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0003757 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Huỳnh Thị Mộng T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Kim Triều

